

Bản án số: 83/2025/HS-ST
Ngày 17-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Vũ Văn Thi

Bà: Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc K, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1985, tại H; Nơi ĐKTT: Số 155 Đ, phường Đ (nay là: phường H), quận L, thành phố H; nơi ở: Tổ dân phố C, phường A, quận A, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Minh N và bà Nguyễn Thị Y; có vợ là Phạm Hồng N, sinh năm 1987 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 227/2006/HSST ngày 15/11/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản, bồi thường dân sự 5.434.000 đồng, chưa thi hành phần bồi thường dân sự (chưa được xóa án tích); bị giữ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/10/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đinh Ngọc T, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1990, tại H; Nơi ĐKTT: Số 39/220 C, phường T, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn Đ và bà Đinh Thị L (đều đã chết); có vợ là Vy Thuý P,

sinh năm 1990 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 42/2009/HSST ngày 28/4/2009 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 03 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010, đã thi hành xong nghĩa vụ dân sự và án phí (đã được xoá án tích) và tại Bản án số 192/2013/HSST ngày 12/12/2013 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 18 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2015, đã thi hành xong án phí (đã được xoá án tích); bị giữ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/10/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Phạm Đình S, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1997, tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố G, phường H, thành phố T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Bá T và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Bùi Thị T, sinh năm 2002 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 06/01/2025; có mặt.

4. Nguyễn Thu T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1993, tại Hải Phòng; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố C, phường A, quận A, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Đào Thị H; không có chồng, có 3 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giam từ ngày 25/10/2024; có mặt.

5. Lê Mạnh C, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1987, tại H; Nơi ĐKTT: Số 14/3 D, phường S, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H và bà Đỗ Thị K; có vợ là Hoàng Thu P, sinh năm 1991 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 50/2007/HSST ngày 30/8/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích (đã được xoá án tích); bị tạm giữ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/10/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

6. Phạm Đình T, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1984, tại H; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố C, phường A, quận A, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1991 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 227/2006/HSST ngày 15/11/2006 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xử phạt 8 năm tù về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2011, đã thi hành phần bồi thường dân sự và án phí (đã được xoá án tích); bị tạm giữ ngày 15/10/2024 đến ngày 23/10/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

Người làm chứng: Chị Lê Hạnh Xuân A; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/10/2024, tổ công tác Công an xã An Đồng (nay là Công an phường An Đồng) kiểm tra phòng trọ số 5 thuộc khu nhà cho thuê của bà Đồng Thị Tuyết ở ngõ 39 đường 208 thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương (nay là: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Đồng, quận An Dương) phát hiện Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Lê Hạnh Xuân A, sinh năm 1985; trú tại: Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai có dấu hiệu tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của Phạm Đình T tại chiếu trên gác lửng 01 túi nilon màu trắng kích thước 2,5 x 2,5cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng (mẫu KT01); 01 điện thoại di động Iphone X đã qua sử dụng; thu giữ của Trần Ngọc K 01 tàu thủy tinh bên trong chứa chất bám dính màu nâu (KT02); 01 chai nhựa màu xanh bên trong có chứa 6ml dung dịch không màu (KT03); 01 vỏ túi nilon màu trắng, kích thước 1,5 x 02 cm bên trong có chất bám dính màu trắng (KT04); thu giữ trong ví da màu đen của Lê Mạnh C 01 túi nilon màu trắng, kích thước 09x12 cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (KT05). Cơ quan Công an đã lập biên bản vụ việc, niêm phong vật chứng gửi giám định. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Ngọc K, Phạm Đình T và Lê Mạnh C đều không thu giữ được gì liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 1212/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu KT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,22 gam, loại: Methamphetamine; Chất màu nâu bám dính trong tàu thủy tinh của mẫu KT02 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên; Chất lỏng không màu của mẫu KT03 gửi giám định có thể tích: 6ml, tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định hàm lượng khối lượng chất ma túy; Tinh thể bám dính trong vỏ túi nilon của mẫu KT04 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên; Tinh thể màu trắng của mẫu KT05 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,63 gam, loại: Methamphetamine. Các mẫu nước tiểu ghi tên Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Lê Mạnh C, Phạm Đình T, Phạm Đình S, Lê Hạnh Xuân A gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định được: Trưa ngày 13/10/2024, Đinh Ngọc T và bạn gái là Lê Hạnh Xuân A tới phòng trọ của Trần Ngọc K ở thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương (nay là: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Đồng, quận An Dương)

chơi, lúc này có Phạm Đình S cũng đang có mặt tại phòng trọ. Đến 17 giờ cùng ngày K hỏi T và S còn tiền không đi mua ma túy đá về sử dụng, thì S đi xe ôm về nhà ở huyện T Nguyên lấy tiền rồi quay lại đưa cho T 2.000.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng S nhờ T nạp thẻ game, 500.000 đồng S trả tiền ăn, còn 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. Sau đó T mượn xe mô tô của người cạnh phòng trọ đi đến khu vực cổng Bệnh viện Việt Tiệp thuộc quận Lê Chân mua của một người không quen biết 300.000 đồng ma túy đá. Về phòng trọ T đưa cho K gói ma túy để cho vào bộ sử dụng đã chuẩn bị từ trước rồi lần lượt K, S, T, An tự châm lửa cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó K đến quán Internet ở thôn Trang Quan, xã An Đồng đón Lê Mạnh C về phòng trọ, C tự châm lửa để sử dụng ma túy có sẵn trong coóng. Một lúc sau Phạm Đình T đến phòng trọ tự sử dụng ma túy trong coóng, xong T đi về còn S, T, C, Xuân An ngủ lại phòng trọ của K. Đến khoảng 13 giờ ngày 14/10/2024 K, S, C, T, Xuân An sử dụng tiếp ma túy có sẵn trong coóng tại phòng trọ, sau đó T đến và tiếp tục sử dụng ma túy có trong coóng, rồi T nhắn tin qua zalo cho Nguyễn Thu Thủy hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá để sử dụng cho bản thân, Thủy mang ma túy đến phòng trọ, T trả tiền rồi cất gói ma túy vào trong người. Khi thấy lực lượng Công an vào kiểm tra, do hoảng sợ T đã ném gói ma túy cất trong người ra chiếu trong phòng trọ. Đối với gói ma túy thu giữ trong ví da của C, C khai là của một người tên Thành (không rõ lai lịch) cho vào ngày 13/10/2024 để sử dụng.

Vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 1212MT/PC09 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói của mẫu KT01 và KT05; 01 hộp giấy niêm phong số 1212MT-A/PC09, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định bên trong có tẩu T tinh của mẫu KT02; 01 chai nhựa của mẫu KT03; 01 vỏ túi nilon của mẫu KT04; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IphoneX, màu trắng, đã qua sử dụng, chuyên Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương quản lý.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS-AD ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S đã đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Ngọc K đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thu T bị truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Mạnh C, Phạm Đình T bị truy tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T, Nguyễn Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu, khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc K, mức án tù 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Ngọc T, mức án tù 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình S, mức án tù 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T, mức án tù 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo: Bị cáo Lê Mạnh C, mức án tù 21 tháng đến 24 tháng tù; Bị cáo Phạm Đình T, mức án tù 18 tháng đến 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Phạt bị cáo Nguyễn Thu T phạt tiền 5.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C và Phạm Đình T.

Vật chứng: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Nguyễn Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ xác định:

[2.1] Đối với hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Ngày 13 và 14/10/2024, tại phòng trọ của bị cáo Trần Ngọc K ở thôn Cái Tắt, xã An Đông, huyện An Dương (nay là: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Đông, quận An Dương), bị cáo Trần Ngọc K có hành vi chuẩn bị công cụ, địa điểm; bị cáo Phạm Đình S đưa tiền để bị cáo Đinh Ngọc T đi mua ma túy đá, sau đó các bị cáo K, S, T sử dụng ma túy cùng Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Lê Hạnh Xuân A. Đối với bị cáo Trần Ngọc K đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng nhưng chưa được xoá án tích nên lần phạm tội này bị cáo K phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” và “Đối với 02 người trở lên” do đó bị cáo K phải chịu hai tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đinh Ngọc T, Phạm Đình S phải chịu tình tiết định khung hình phạt phạm tội “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Ngày 14/10/2024, bị cáo Nguyễn Thu T bán 01 gói ma túy có khối lượng 0,22 gam loại Methamphetamine cho bị cáo Phạm Đình T để sử dụng cho bản thân, do vậy tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình.

[2.3] Đối với hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Bị cáo Lê Mạnh C cất giữ trái phép 01 gói ma túy có khối lượng 0,63 gam, loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân; bị cáo Phạm Đình T mua 01 gói ma túy có khối lượng 0,22 gam loại Methamphetamine của bị cáo T nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ.

[2.4] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Nguyễn Thu T có đủ năng lực phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tính chất vụ án; vai trò của các bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy vẫn đang là hiểm họa của toàn cầu, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác. Do vậy, cần phải được xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án đối với hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có đồng phạm, bị cáo K là người chuẩn bị công cụ, địa điểm; bị cáo S là người đưa tiền để bị cáo T đi mua ma túy, sau đó các bị cáo K, S, T sử dụng ma túy cùng Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Lê Hạnh Xuân A. Do vậy, bị cáo K có vai trò cao nhất, bị cáo S có vai trò thứ hai đến vai trò của bị cáo T. Bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” độc lập không có đồng phạm. Các bị cáo C, T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, độc lập không có đồng phạm.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S có ông nội là người có công với cách mạng; các bị cáo T, K đều có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hình phạt:

Đối với hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, xét thấy: Bị cáo K và bị cáo T là người có nhân thân xấu; bị cáo K có vai trò cao nhất. Do vậy, áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo K cao hơn bị cáo T và bị cáo S. Mức hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo S tương đương nhau và cần phải áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Đối với hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thu T, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bắt quả tang vào ngày 16/10/2024. Như vậy, thể hiện bị cáo là người chưa có ý thức chấp hành pháp luật nên cần phải áp dụng mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Đối với hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xét thấy: Các bị cáo C, T đều có tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn thể hiện là người có nhân thân xấu, không chịu sửa chữa lỗi lầm nên cần phải áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến*

500.000.000 đồng,...” và khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,...*”. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thu T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích kiếm lời, do vậy cần phải áp dụng hình phạt bổ là phạt tiền đối với bị cáo T; các bị cáo K, T, S, C, T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 (một) phong bì niêm phong số 1212MT/PC09 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói của mẫu KT01 và KT05 và 01 (một) hộp giấy niêm phong số 1212MT-A/PC09, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định: Tẩu T tinh của mẫu KT02; 01 chai nhựa của mẫu KT03; 01 vỏ túi nilon của mẫu KT04 là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên phải tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhoneX, màu trắng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Đối với số tiền 400.000 đồng mà bị cáo T đã chuyển vào tài khoản của bị cáo T là tiền mua ma túy. Do vậy, buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 400.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[9] Các vấn đề khác: Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Hạnh Xuân A, Công an quận An Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với đối tượng bán ma túy cho T, và đối tượng đưa ma túy cho C hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[10] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt.

- Căn cứ các điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt, bị cáo Trần Ngọc K 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

- Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình.

Tuyên bố bị cáo Đinh Ngọc T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt, bị cáo Đinh Ngọc T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

- Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình.

Tuyên bố bị cáo Phạm Đình S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt, bị cáo Phạm Đình S 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt, bị cáo Nguyễn Thu T 30 tháng (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lê Mạnh C và Phạm Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt, bị cáo Lê Mạnh C 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

Xử phạt, bị cáo Phạm Đình T 18 (Mười tám) tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2024.

2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Thu T số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong số 1212MT/PC09 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói của mẫu KT01 và KT05 và 01 (một) hộp giấy niêm phong số 1212MT-A/PC09, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định: Tàu T tinh của mẫu KT02; 01 chai nhựa của mẫu KT03; 01 vỏ túi nilon của mẫu KT04 là vật chứng vụ án.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IphoneX, màu trắng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T liên quan đến hành vi phạm tội.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thu T phải nộp lại số tiền 400.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Nguyễn Thu T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Ngọc K, Đinh Ngọc T, Phạm Đình S, Lê Mạnh C, Phạm Đình T và Nguyễn Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Cơ quan CSĐT – CATP Hải Phòng;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận An Dương;
- Trại tạm giam - Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi – Bùi Thị Nhàn

Phạm Văn Thao

